

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN NĂM 2026									DỰ TOÁN NĂM 2027				
		DỰ TOÁN PHÁP LỆNH			TH 8 THÁNG 2026			SỐ ƯỚC TH 2026 (TCS6 QUẢN LÝ)			TCS6 QUẢN LÝ			Thuế tính thu trên địa bàn	TỔNG THU TRÊN ĐỊA BÀN
		TCS thu trên địa bàn	Thuế tính thu trên địa bàn	Tổng thu trên địa bàn	TCS thu trên địa bàn	Thuế tính thu trên địa bàn	Tổng thu trên địa bàn	TCS6 Ước TH 2026	Thuế tính Ước TH 2026	Xã Ước TH 2026	TCS6 xây dựng	Thuế tính xây dựng	Xã xây dựng		
A	B	1	2	3=1+2	4	5	6=4+5	7	8	9	10	11	12	13	14=10 or 11 or12 +13
	TỔNG THU (I+II)	3,775	0	3,775	4,311	6	4,317	6,640	6,640	4,531	6,875	7,875	4,531	0	
I	THU ĐẦU THỎ														
II	THU NỘI ĐỊA	3,775	0	3,775	4,311	6	4,317	6,640	6,640	4,531	6,875	7,875	4,531	0	
	SỐ THU TRỪ TIỀN SDD, XỔ SỔ	3,175	0	3,175	3,801	6	3,807	5,940	5,940	3,931	6,575	7,175	3,931	0	
	Tr.đó: Số thu không kể tiền SD đất, CT&LNCL, XS, CLTCNH, thu hồi vốn	3,175	0	3,175	3,801	6	3,807	5,940	5,940	3,931	6,575	7,175	3,931	0	
	(1) Khởi sản xuất kinh doanh	1,175	0	1,135	438	0	438	620	620	482	620	1,220	480	0	
	- Thuế giá trị gia tăng	1,045	0	1,040	419	0	419	585	585	460	585	1,185	460	0	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	65	0	30	17	0	17	30	30	20	35	35	20	0	
	- Thuế tài nguyên	65	0	65	2	0	2	5	5	2	0	0	0	0	
	- Thu về khí thiên nhiên, khí than	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	(2) Các khoản liên quan đến đất đai	630	0	630	574	0	574	765	765	666	345	745	666	0	
	(3) Các khoản thu khác còn lại	1,970	0	1,970	3,354	6	3,360	5,255	5,255	3,440	5,910	5,910	3,440	0	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	40	0	40	3	0	3	70	70	5	70	70	5	0	
1.1	Thu từ khu vực doanh nghiệp trung ương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	- Thuế giá trị gia tăng														
	Tr.đó: + Thu từ hoạt động TD, KT dầu, khí														
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt														
	Tr.đó: + Thu từ HH nhập khẩu do CSKD NK tiếp tục bán ra trong nước														
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp														
	Tr.đó: + Thu từ hoạt động TD, KT dầu, khí														
	+ Thuế tối thiểu toàn cầu														
	- Thuế tài nguyên														
	Tr.đó: + Thuế tài nguyên dầu, khí														
	- Thu về khí thiên nhiên, khí than														
	- Thu khác (ẩn)														
1.2	Thu từ khu vực doanh nghiệp địa phương	40	0	40	3		3	70	70	62	70	70	60	0	
	- Thuế giá trị gia tăng	5			57			65	65	60	70	70	60		
	Tr.đó: + Thu từ hoạt động TD, KT dầu, khí														
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	0			0			0		0					
	Tr.đó: + Thu từ HH nhập khẩu do CSKD NK tiếp tục bán ra trong nước														
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	35			0			0	0	0					
	Tr.đó: + Thu từ hoạt động TD, KT dầu, khí														
	+ Thuế tối thiểu toàn cầu														
	- Thuế tài nguyên	0			2			5	5	2					
	Tr.đó: + Thuế tài nguyên dầu, khí														
	- Thu về khí thiên nhiên, khí than														
	- Thu khác (ẩn)														
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.1	Thu từ NCCN không có cơ sở thường trú tại VN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	- Thuế giá trị gia tăng														
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp														
2.2	Thu từ doanh nghiệp có vốn ĐTNN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	- Thuế giá trị gia tăng														
	Tr.đó: + Thu từ hoạt động TD, KT dầu, khí														
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt														
	Tr.đó: + Thu từ HH nhập khẩu do CSKD NK tiếp tục bán ra trong nước														
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp														
	Tr.đó: + Thu từ hoạt động TD, KT dầu, khí														
	+ Thuế tối thiểu toàn cầu														
	- Thuế tài nguyên														
	Tr.đó: + Thuế tài nguyên dầu, khí														
	- Thu về khí thiên nhiên, khí than														
	- Thu khác (ẩn)														
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1,135	0	1,135	379		379	550	550	420	550	1,150	420	0	
	- Thuế giá trị gia tăng	1,040	0	1,040	362		362	520	520	400	515	1,115	400	0	
	Tr.đó: + Thu từ hoạt động TD, KT dầu, khí						0								
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	
	Tr.đó: + Thu từ HH nhập khẩu do CSKD NK tiếp tục bán ra trong nước						0								
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	30	0	30	17		17	30	30	20	35	35	20	0	
	Tr.đó: + Thu từ hoạt động TD, KT dầu, khí						0								
	+ Thuế tối thiểu toàn cầu						0								
	- Thuế tài nguyên	65	0	65	0		0	0	0	0	0	0	0	0	
	Tr.đó: + Thuế tài nguyên dầu, khí						0								
	- Thu về khí thiên nhiên, khí than						0								
	- Thu khác (ẩn)						0								
3.1	Thu từ các doanh nghiệp và tổ chức kinh doanh	935	0	935	166		166	300	300	200	350	950	220	0	
	- Thuế giá trị gia tăng	840		840	149		149	270	270	200	315	915	200		
	Tr.đó: + Thu từ thủy điện Thiên Tân														
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	0			0			0	0						
	Tr.đó: + Thu từ HH nhập khẩu do CSKD NK tiếp tục bán ra trong nước														
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	30		30	17		17	30	30	20	35	35	20		
	Tr.đó: + Thu từ hoạt động TD, KT dầu, khí														
	+ Thuế tối thiểu toàn cầu														
	- Thuế tài nguyên	65		65	0		0	0	0	0	0	0			
	Tr.đó: + Thu từ thủy điện Thiên Tân														
	- Thu về khí thiên nhiên, khí than														
	- Thu khác (ẩn)														
3.2	Thu từ hộ gia đình và cá nhân kinh doanh	200	0	200	214		214	250	250	250	200	200	200	0	
	- Thuế giá trị gia tăng	200		200	214		214	250	250	250	200	200	200		
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt														
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp														
	- Thuế tài nguyên														
	- Thu khác (ẩn)														
4	Thuế thu nhập cá nhân	270		270	570		570	850	850	600	950	950	600		
	Trong đó: Thuế thu nhập từ hoạt động SXKD của cá nhân														
	Thuế thu nhập từ hoạt động cho thuê tài sản														
5	Thuế bảo vệ môi trường														
	- Thu từ hàng hóa nhập khẩu														
	- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước														
6	Lệ phí trước bạ	1,500		1,500	2,653	6	2,659	4,200	4,200	2700	4,750	4,750	2,700		
7	Phí - lệ phí	140		140	35		35	55	55	40	60	60	40		
	Phí - lệ phí Trung ương														

	Phí - lệ phí tỉnh															
	Tr.đó: - Các khoản phí - lệ phí do địa phương ban hành ngoài danh mục được quy định tại Luật Phí và lệ phí.															
	- Phí BHYT đối với nước thải															
	- Phí hạ tầng của khu															
	- Phí thăm quan các khu di tích, di sản thế giới															
	Phí - lệ phí xã															
8	Thuế sử dụng đất nông nghiệp															
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10		10	1		1	2	2	1	5	5	1			
10	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	20		20	63		63	63	63	65	40	40	65			
	Tr.đó: - Thu từ hoạt động TD, KT đầu, khi															
	- Thu tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư															
	- Thu từ khai thác quỹ đất khu vực TOD đối với đường sắt quốc gia															
	- Thu từ khai thác quỹ đất khu vực TOD đối với đường sắt địa phương															
11	Thu tiền sử dụng đất	600		600	510		510	700	700	600	300	700	600			
	- Thu do Cơ quan, đơn vị tổ chức thuộc trung ương quản lý															
	+ Trong đó: Thu từ khai thác quỹ đất khu vực TOD đối với đường sắt quốc gia															
	- Thu do Cơ quan, đơn vị tổ chức thuộc địa phương quản lý															
	+ Trong đó: Thu từ khai thác quỹ đất khu vực TOD đối với đường sắt địa phương															
12	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc SHNN															
	- Thu do Cơ quan, đơn vị tổ chức thuộc trung ương quản lý															
	- Thu do Cơ quan, đơn vị tổ chức thuộc địa phương quản lý															
13	Thu từ hoạt động xổ số															
14	Thu tiền CQ khai thác tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, tần số vô tuyến điện															
	- Cơ quan Trung ương cấp phép															
	Tr.đó: + Tài nguyên khoáng sản															
	+ Tài nguyên nước															
	+ CQ tần số vô tuyến điện															
	- Cơ quan địa phương cấp phép															
15	Thu tiền sử dụng khu vực biển															
	- Cơ quan Trung ương cấp phép															
	- Cơ quan địa phương cấp phép															
16	Thu khác ngân sách	60		60	97		97	150	150	100	150	150	100			
	Thu khác NS Trung ương															
	Tr.đó: - Thu phạt vi phạm ATGT															
	- Thu phạt VPHC do cơ quan Thuế thực hiện															
	Thu khác NS địa phương															
	- Tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa															

* Thuyết minh số liệu do TCS6 xây dựng 2027 (có chênh lệch với Thuế tỉnh Quảng Ngãi)

- Xây dựng dự toán 2027:

+ Thu từ các doanh nghiệp và tổ chức kinh doanh: Số liệu TCS6 xây dựng chưa bao gồm thuế GTGT vãng lai của dự án chăn nuôi do Công ty TNHH HOÀNG PHÁT PNE làm chủ đầu tư. Thuế tỉnh xây dựng: 600 trđ thuế GTGT vãng lai của dự án chăn nuôi do Công ty TNHH HOÀNG PHÁT PNE.

+ Thu tiền sử dụng đất: Căn cứ thông tin do địa phương cung cấp và kế hoạch khai thác quỹ đất, trong năm 2027 UBND xã Đắk Rve dự kiến thu được khoảng 300 triệu đồng. Thuế tỉnh QN xây dựng: 700 triệu đồng.